

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QNG
TỈNH QNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/KDTM-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán theo hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duân

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên toà: Ông Trần Quý – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố QNG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QNG tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố QNG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2016/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc tranh chấp “Nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXX-ST ngày 18/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Ông Phan Đ T - Là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam)

Ông Nguyễn Văn Đông - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh QNG là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đ T (theo văn bản ủy quyền số: 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016).

Ông Nguyễn Thành Phước, bà Nguyễn Thị Phúc, Phạm Thị Diễm My, Tống Thị Hoàng Phương là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đông (theo văn bản ủy quyền số 2347/UQ – BIDV.QN ngày 8/11/2016).

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C N T.

Địa chỉ: 187 Phan Bội Châu, tổ 12, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG, tỉnh QNG.

Ông Huỳnh C - Là người đại diện hợp pháp của bị đơn (Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên C N T).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Huỳnh C.

Địa chỉ: 187 Phan Bội Châu, tổ 12, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG, tỉnh QNG.

- Ông Huỳnh D và bà Võ Thị Hồng L.

Địa chỉ: Tổ 13, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG, tỉnh QNG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/12/2016, bản tự khai ngày 17/01/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam bà Nguyễn Thị Phúc trình bày:

Ngày 19/01/2015 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh QNG với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C N T (Công ty TNHH MTV C N T) ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ về việc cho Công ty TNHH MTV C N T vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Thời gian trả nợ gốc đến 19/7/2015, tiền lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/02/2015.

Ngày 22/01/2015 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh QNG với Công ty TNHH MTV C N T ký hợp đồng tín dụng số 02/2015/HĐ về việc cho Công ty TNHH MTV C N T vay số tiền 520.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Thời gian trả nợ gốc đến 22/7/2015, lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 22/02/2015.

Tài sản bảo đảm cho 2 khoản vay trên là giá trị nhà và giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa số 2152, tờ bản đồ 21, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG theo 02 hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 và số 02/2015/HĐ ngày 16/01/2015 được Phòng công chứng số 1 tỉnh QNG chứng nhận ngày 16/01/2015 và đăng ký thế chấp ngày 16/01/2015.

Ngày 06/7/2015 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh QNG ký hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH MTV C N T về việc cho Công ty TNHH MTV C N T vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất cho vay trong hạn là 10% nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay và không cao hơn trần lãi suất cho vay theo quy định của BIDV; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay là đầu tư 2 xe ô tô tải. Trả nợ theo tháng với số tiền 11.200.000 đồng/tháng kể từ ngày 25/7/2015 đến ngày 25/5/2018 và số tiền nợ còn lại là 8,000,000 đồng trả vào 06/7/2018, tiền lãi trả cùng gốc.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/HĐ ngày 16/01/2015 và các tài sản gồm: 02 xe ô tô tải BS 76C-056.78, 76C-056.86 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐBĐ ngày 06/7/2015 được đăng ký giao dịch bảo đảm

tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 12/10/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, Công ty TNHH MTV C N T nhiều lần không thực hiện trả nợ gốc và lãi đầy đủ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện để Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh QNG trả nợ nhưng Công ty TNHH MTV C N T vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Tính đến ngày 27/9/2017, Công ty TNHH MTV C N T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.970.293.362 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.582.178.668 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 46.814.742 đồng, lãi quá hạn là 278.299.950 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 27/9/2017).

Nay Ngân hàng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV C N T phải thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng cùng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2017 đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp Công ty TNHH MTV C N T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp bất động sản số 01, 02/2015/HĐ ngày 16/01/2015 và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐBĐ ngày 06/7/2015 để thu hồi nợ.

Bị đơn: Công Ty TNHH MTV C N T không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh C không có lời trình bày.

Tại biên bản làm việc ngày 18/5/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Huỳnh D trình bày: Năm 1995 ông lập gia đình, sau khi lập gia đình vẫn chung sống với cha, mẹ của ông tên Huỳnh Lư và bà Nguyễn Thị Chò. Đến năm 1999, do điều kiện sinh hoạt của gia đình, nhà cha, mẹ ông chật hẹp, nên cha mẹ ông cho diện tích đất liền kề nhà của cha, mẹ ông có chiều rộng là 6,8m, chiều dài 20m, diện tích 136m² để xây dựng nhà ở. Sau khi cho đất, vợ chồng ông đầu tư kinh phí xây một căn nhà cấp 4 và nhà bếp, công trình phụ liền kề với nhà của ông Lư, bà Chò để sử dụng (việc cho đất là nhà chỉ nói miệng, không lập giấy tờ gì). Năm 2014, ông Lư, bà Chò lập giấy cho nhà và đất ông Huỳnh C (trong đó có căn nhà của vợ chồng ông), sau đó ông Huỳnh C đem thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh QNG để đảm bảo khoản vay của Công ty TNHH MTV C N T vay tiền vợ chồng ông hoàn toàn không biết, nên không có khiếu nại gì. Khi Công ty TNHH MTV C N T không trả được nợ, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV C N T trả nợ, trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì vợ chồng ông mới biết. Nay ông yêu cầu khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong đó có căn nhà cấp 4 và một số cây trồng trên đất của vợ chồng ông không thể chấp thì hoàn trả lại giá trị cho vợ chồng ông.

Tại đơn trình bày ngày 16/7/2017, bà Võ Thị Hồng L trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh D, bà thống nhất theo lời trình bày của ông D.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 48, 101, 196, 208, 211, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 63, 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh C không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung:

Căn cứ Điều 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên C N T trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam khoản tiền 1.907.293.362 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 1.582.178.668 đồng, tiền nợ lãi là 325.114.694 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại các HĐTD đã ký.

Trường hợp Công ty TNHH MTV C N T không trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa số 2152, tờ bản đồ 21, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG thuộc sở hữu của ông Huỳnh C theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐ ngày 16/01/2015 và xe ô tô biển kiểm soát 76C-056.78, 76C-056.86 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐBD ngày 06/7/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì Công ty TNHH MTV C N T phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc hoàn trả lại giá trị nhà ngang và cây cối, hoa màu trên đất (trừ hoa màu ngắn ngày và cây cối có thể duy chuyển được) cho chủ sở hữu theo giá tại thời điểm thi hành án.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi xong, đề nghị Công ty TNHH Một thành viên C N T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng.

- Về aùn phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV C N T phải chòu là 69.218.800 đồng, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh C ã ñ ñ ở TC Tòa án tñc tập hñp lã ñc laàn thứ hai nhưng vãn váng măt. Theo qui ñònh tại điểm b khoản 2 Điều 227, ñiều 228 của Bộ luật tổ tñg dân sũ, Hvi ñoàng xut xũ vãn tieán haõn xut xũ vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[II] Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh QNG cung cấp có tại hồ sơ thì Công ty TNHH MTV C N T có vay của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam 03 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng số 01/2015/HĐTD ngày 19/01/2015, hợp đồng số 02/HĐTD ngày 22/01/2015, hợp đồng số 01/HĐTD ngày 06/7/2015, tổng số tiền vay của 03 hợp đồng tín dụng là 1.720.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Huỳnh C và Công ty TNHH Một thành viên C N T có thể tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2152, tờ bản đồ số 21 phường Lê Hồng Phong, diện tích 2082m², tọa lạc tại tổ 13, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG đứng tên ông Huỳnh C, theo hợp đồng thế chấp số 01, 02/HĐ ngày 16/01/2015 và tài sản xe ô tô tải biển kiểm soát số 76C-056.78 và 74C-056.86 thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV C N T, theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ ngày 06/7/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, Công ty TNHH MTV C N T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 137.821.332 đồng và tiền lãi là 113.697.222 đồng, tiền gốc còn lại là 1.582.178.668 đồng, tiền lãi trong hạn là 46.814.792 đồng, tiền lãi quá hạn là 278.299.950 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 27/9/2017). Do Công ty TNHH MTV C N T vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV C N T phải có nghĩa vụ trả số nợ trên và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 28/7/2017 cho đến khi trả nợ xong là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thửa đất số 2152, tờ bản đồ 21, diện tích đất 2.082m², tại tổ 13, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG được Ủy ban nhân dân thành phố QNG, tỉnh QNG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 350990, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02361 ngày 23/8/2010 cho ông Huỳnh Lư và bà Nguyễn Thị Chò. Ngày 24/12/2014 ông Huỳnh Lư và bà Nguyễn Thị Chò lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh C toàn bộ diện tích đất trên, được Văn phòng công chứng Phi Thanh chứng nhận cùng ngày. Đồng thời

ngày 25/12/2014 ông Lư, bà Chò lập giấy cam kết tặng cho ông Huỳnh C căn nhà cấp 4. Ngày 16/01/2015 ông Huỳnh C thế chấp toàn bộ diện tích đất nói trên và tài sản trên đất để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH MTV C N T tại Ngân hàng theo 02 hợp đồng thế chấp bất động sản số 01, 02/2015/HĐ ngày 16/01/2015 được Phòng công chứng số 1 tỉnh QNG chứng nhận ngày 16/01/2015 và đăng ký thế chấp ngày 16/01/2015. Tài sản trên thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh C nên việc ông Huỳnh C tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV C N T là hợp pháp.

Đối với xe ô tô tải Biển số 76C-056.78 và xe ô tô tải Biển số 76C-056.86 là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV C N T. Ngày 06/7/2015 Công ty TNHH MTV C N T đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH MTV C N T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐBĐ ngày 06/7/2015, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 12/10/2015. Tài sản trên thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV C N T, nên Công ty TNHH MTV C N T thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV C N T là hợp pháp. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu trường hợp Công ty TNHH MTV C N T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên thì yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp bất động sản số 01, 02/2015/HĐ ngày 16/01/2015 và theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐBĐ ngày 06/7/2015 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp sau khi xử lý không đủ để trả nợ thì Công ty TNHH MTV C N T tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của ông Huỳnh D và bà Võ Thị Hồng L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trên thửa đất thế chấp có 01 căn nhà cấp 4 gồm 2 phần nhà trên và nhà ngang; phần nhà ngang có phòng bếp và công trình phụ. Ngoài ra trên đất còn có một số cây trồng. Theo ông D, bà L trình bày: Phần nhà ngang có phòng bếp và công trình phụ và một số cây trồng là do ông, bà bỏ kinh phí ra xây dựng vào năm 1999 và trồng cây trên đất để quản lý, sử dụng, khi ông Lư, bà Chò lập giấy tặng cho ông Huỳnh C toàn bộ tài sản trên đất, ông hoàn toàn không biết nên ông, bà không có khiếu nại. Nay ông xác định phần nhà ngang cấp 4 và các cây trồng trên đất là của ông, bà chứ không phải của ông Huỳnh C.

Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 11/7/2017 và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thừa nhận tài sản trên diện tích đất thế chấp gồm phần nhà ngang, có bếp, công trình vệ sinh và các loại cây trồng trên đất là của ông D, bà L không phải là tài sản thế chấp. Nên khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Ngân hàng sẽ hoàn trả lại giá trị căn nhà ngang và các cây trồng trên đất (trừ một số hoa màu ngắn ngày và một số cây di chuyển được) cho ông D, bà L.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng, Công ty TNHH MTV C N T phải chịu, nhưng Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi xong, nên buộc Công ty TNHH MTV C N T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 2.000.000 đồng.

[5] Về àùn phí kinh doanh thương mại sơ thẳm: Công ty TNHH MTV C N T phải chòu 69.218.800đ (sáu mươi chín triệu, hai trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tẳm òùng àùn phí 31.917.377 đồng (ba mươi một triệu, chín trăm mười bảy ngàn, ba trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002140 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QNG

Vì các lẽ trên,

QUYEÁT ÑÒNH:

Áp dụng Ñieàu 30, 35, 144, 147, 227, 235, 266, 271 vàø 273 của Bộ luật toá tưởg dân sỡi; Điều 355 và 471, 474, 476, 716 của Bộ luật dân sỡi năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 2 năm 2009.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Buộc Công ty TNHH MTV C N T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền gốc còn lại là 1.582.178.668 đồng, tiền lãi trong hạn là 46.814.742 đồng, tiền lãi quá hạn là 278.299.950 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 27/9/2017), cùng tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 28/9/2017 đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo mức lãi suất theo các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

[2] Trường hợp Công ty TNHH MTV C N T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 2152, tờ bản đồ 21, phường Lê Hồng Phong, thành phố QNG theo 02 hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 và số 02/2015/HĐ ngày 16/01/2015 được Phòng công chứng số 1 tỉnh QNG chứng nhận ngày 16/01/2015 và đăng ký thế chấp ngày 16/01/2015; 02 xe ô tô tải Biển số 76C-056.78 và 76C-056.86 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐBĐ ngày 06/7/2015 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 12/10/2015 để thu hồi nợ. Khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải hoàn trả lại toàn bộ giá trị theo giá tại thời điểm thi hành án cho ông Huỳnh D và bà Võ Thị Hồng L.

[3] Trường hợp tài sản thế chấp sau khi xử lý không đủ để thu hồi nợ thì Công ty TNHH MTV C N T phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng, Công ty TNHH MTV C N T phải chịu, nhưng Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi xong, nên buộc

Công ty TNHH MTV C N T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 2000.000 đồng.

[5] Về àùn phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV C N T phải chòu là 69.218.800đ (sáu mươi chín triệu, hai trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng). Hoạc traũ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tằm òùng àùn phí 31.917.377 đồng (ba mươi một triệu, chín trăm mười bảy ngàn, ba trăm bảy bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002140 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QNG.

Các đương sự còu maết tãi phieãn toỏa còu quyềãn khaùng cao baũn àùn trong thồoi haũn 15 ngaøy, keỏ tồo ngaøy tuyềãn àùn. Các đương sự vaếng maết tãi phieãn toỏa còu quyềãn khaùng cao baũn àùn trong thồoi haũn 15 ngaøy, keỏ tồo ngaøy nhaãn ñồoĩc baũn àùn hoặẽc bản án ñồoĩc nieãm yeát tại địa phương theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nôi nhẫãn:
THAẢM**

- TAND tặnh Quậng Ngặĩ;

toỏa

- VKSND tặnh Quậng Ngặĩ;

- VKSND T.P Quậng Ngặĩ;

- Chi cục Thi haỏnh àùn daũn sỏĩ T.P Quậng Ngặĩ;

- Cậũc ñồoĩng sỏĩ;

- Lổũ hoặ sỏ, lổũ àùn vaễn.

T.M HOẶĨ ÑOÀNG XEỦT XỔỦ SỎ

Thaỏm phaũn – Chuũ toỏa phieãn

Nguyễn Văn Duẩn